

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

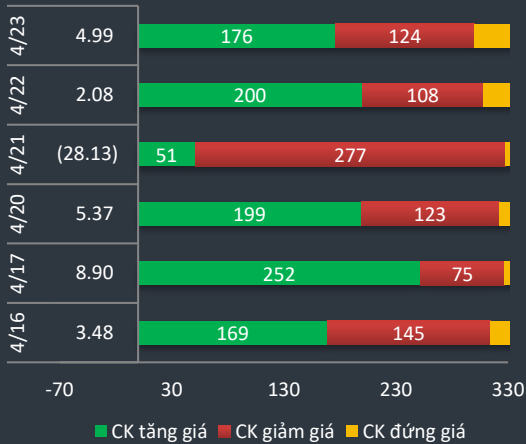
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.3**

Tin Doanh nghiệp **P.4**

Bộ lọc CP **P.5**

### Độ rộng thị trường

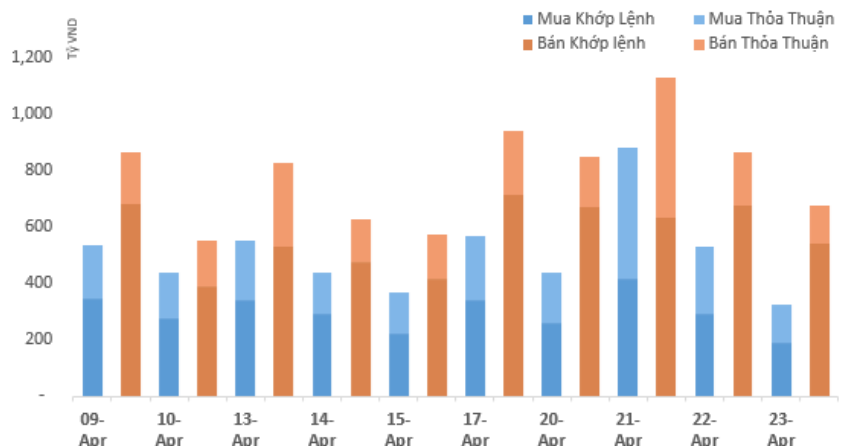


### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

HPG	25.2
VHM	20.2
HCM	7.5
ART	5.0
LPB	3.7
MSN	2.9
HDA	2.5
HQC	2.4
DBC	(8.1)
CTG	(9.5)
E1VFN30	(9.6)
BID	(10.7)
STB	(12.1)
PVS	(13.7)
VEA	(13.9)
VPB	(26.8)
VCB	(28.8)
HDB	(30.0)
VRE	(50.7)
VNM	(91.1)

Thị trường xanh nhẹ trong hai phiên gần nhất và kiếm lại gần 7 điểm. Có đến 176 cổ phiếu tăng giá so với 125 mã giảm và giao dịch được đánh giá là khá tích cực nhưng tổng giá trị giao dịch cuối phiên của sàn HOSE chỉ đạt khoảng 3,250 tỷ đồng. HPG, VNM, MWG, VCB, DBC có giao dịch nhiều nhất trong ngày. Nhóm ngành thép nổi bật HPG và HSG tăng mạnh riêng HSG đã tăng trần phiên thứ hai liên tiếp nhờ thông tin khả quan báo cáo Q2. Giao dịch có phần chững lại một phần dư âm từ cú sốc hôm thứ 3 làm nhà đầu tư thận trọng hơn. Các trạng thái hưng phấn trong phiên chỉ diễn ra trong thời gian ngắn sau đó bị áp lực bán ra rất nhanh. Biến động nhiều cổ phiếu trở nên khó đoán hơn khi dòng tiền đang có biểu hiện thu hẹp và chốt lời ngắn hạn khi thông tin quý 1 nhiều doanh nghiệp đã được công bố.

Khối ngoại bán ròng 351 tỷ trong ngày với VNM(-91.1 tỷ), VRE(-50.7 tỷ), HDB(-30 tỷ), VCB(-28.8 tỷ) bán ra nhiều nhất. Trong những phiên gần nhất giá trị mua vào của khối ngoại chỉ bằng 50% - 60% so với phần bán ra và dòng tiền bán ròng vẫn đều đặn từ 200 - 300 tỷ mỗi ngày. Có một điểm lưu ý là trái với giai đoạn trước thị trường suy sụp rất mạnh khi khối ngoại rút vốn thì lần này sức đề kháng của thị trường chung tốt hơn nhiều. Không loại trừ có những tổ chức lớn gom mua vào khối lượng lớn giúp thị trường duy trì thanh khoản và cân lại với dòng tiền bán ra.



# Vnindex 773.91

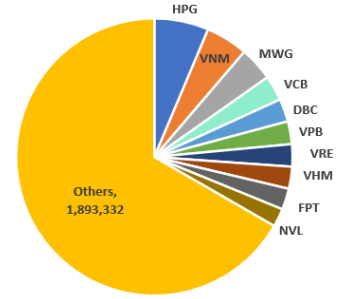
▲ +4.99 (+0.65%)

## Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BSR	6.0	400	7.14
HPG	21.6	800	3.85
ACV	60.7	2,100	3.58
VEA	34.1	1,100	3.33
VGI	25.6	800	3.23
SAB	180.6	5,600	3.20
GAS	65.1	1,600	2.52
VRE	24.1	550	2.34
HVN	27.8	600	2.21
VHM	66.6	1,200	1.83
MWG	83.5	1,500	1.83
MCH	67.0	1,000	1.52
SHB	16.4	200	1.23
VJC	116.4	1,300	1.13
BVH	47.3	300	0.64
VIC	93.0	500	0.54
GVR	10.1	50	0.50
MBB	16.2	50	0.31
TCB	17.0	50	0.30
POW	9.5	20	0.21
NVL	52.6	100	0.19
MSN	58.2	-	-
TPB	17.7	-	-
BID	36.2	-	-
PLX	40.7	-	-
VCB	69.2	(100)	(0.14)
FPT	51.0	(100)	(0.20)
CTG	19.2	(50)	(0.26)
ACB	20.3	(100)	(0.49)
EIB	15.3	(100)	(0.65)
HDB	20.6	(200)	(0.96)
VNM	96.1	(1,400)	(1.44)
VPB	19.9	(300)	(1.49)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Chỉ số Vnindex đã bật lên lại khá nhanh sau khi chạm hỗ trợ tâm lý gần nhất 450 vào phiên thứ 4. Dù thị trường giao dịch sôi động nhưng thanh khoản giảm khá mạnh là điều cần lưu ý. Các chỉ báo STO ngắn hạn đều cảnh báo thị trường đang ở trạng thái quá mua và đang trong quá trình điều chỉnh. Các phiên tăng điểm vẫn là cơ hội tốt cho nhà đầu tư cơ cấu lại danh mục theo hướng giảm tỷ trọng và chờ cơ hội mua lại giá thấp. Về trung hạn ngưỡng cản 800 – 820 vẫn là kháng cự mạnh.

### Tin doanh nghiệp:

**NLG** công bố báo cáo tài chính quý 1 với doanh thu thuần tăng 25% so với cùng kỳ, lợi nhuận gộp trong kỳ tăng 64.1% nhờ giá vốn hàng bán chỉ 260 tỷ. Trong Q1 công ty hoàn tất và bàn giao các dự án gồm Flora Novia và Valora Island. Phần bàn giao dự án chiếm 35% tổng doanh thu, còn 56% đến từ dịch vụ tổng thầu, xây dựng.

Trong kỳ NLG có thêm phần lãi từ liên doanh liên kết 37 tỷ đồng, tăng gấp 4 lần so với quý 1 năm ngoái. Tuy nhiên năm ngoái NLG còn có phần lợi nhuận khác hơn 137 tỷ đồng đến từ việc đánh giá lại giao dịch mua rẻ công ty Việt Thiên Lâm sở hữu dự án Paragon Đại Phước (Đồng Nai) trong khi năm nay chỉ có 11.4 tỷ. Vì nguyên nhân này lợi nhuận Q1 chỉ đạt 437 tỷ đồng, giảm 35% so với cùng kỳ.

NLG giảm đến gần 40% từ đỉnh hồi tháng 10.2019 về giá 18 và hiện hồi phục khá chậm lên 21.5. EPS sau quý 1 khoảng 3,600, PE 6 – khá thấp so với nhiều cổ phiếu bất động sản cùng ngành.





## Thống kê nhóm cổ phiếu lớn:

Ticker	Close	Vol 3T	RSI	StochK	Tăng so với Đáy 1Y	Giá so với đỉnh 1Y	Low 52W	High 52W	EPS	BV	PE	P/Bv	
SHB	16.4	13,771,839	62.8	32.4	234.7%	-8.9%	4.9	18	2,043	15,551	8.03	1.05	
SAB	180.6	81,435	71.4	63.2	56.4%	-36.0%	115.5	282.1	7,880	31,306	22.92	5.77	
HVN	27.8	1,345,635	72.3	70.4	56.2%	-36.8%	17.8	44	1,645	13,106	16.90	2.12	
BVH	47.3	566,861	54.1	41.5	46.4%	-45.5%	32.3	86.8	1,551	26,678	30.50	1.77	
MWG	83.5	1,593,628	56.8	63.1	41.8%	-34.8%	58.9	128	8,660	27,431	9.64	3.04	
VRE	24.1	2,710,129	50.3	15.5	36.2%	-35.7%	17.7	37.5	1,224	11,860	19.69	2.03	
HPG	21.6	8,318,099	63.1	55.4	33.3%	-17.9%	16.2	26.3	3,023	17,307	7.15	1.25	
VIC	93	1,025,531	48.6	50.5	30.1%	-26.2%	71.5	126.1	2,280	35,802	40.79	2.60	
FPT	51	2,213,655	58.4	50.4	26.2%	-16.4%	40.4	61	4,796	24,768	10.63	2.06	
GVR	10.1	849,838	49.4	19.2	21.7%	-39.2%	8.3	16.6	831	12,689	12.15	0.80	
VHM	66.6	909,579	48.3	31.9	21.5%	-33.1%	54.8	99.5	6,366	19,686	10.46	3.38	
VJC	116.4	350,087	61.3	67.9	21.5%	-21.5%	95.8	148.2	7,881	29,236	14.77	3.98	
VCB	69.2	1,411,718	46.6	47.8	21.0%	-26.8%	57.2	94.5	4,996	21,808	13.85	3.17	
GAS	65.1	747,240	49.4	27.5	20.8%	-41.8%	53.9	111.9	6,219	25,923	10.47	2.51	
BID	36.2	1,282,629	47.1	40.5	20.3%	-34.8%	30.1	55.5	2,379	19,307	15.22	1.87	
MBB	16.2	7,199,421	48.1	30.7	19.1%	-31.1%	13.6	23.5	3,596	17,150	4.51	0.94	
HDB	20.6	1,709,922	45.9	37	19.1%	-31.3%	17.3	30	3,675	19,442	5.61	1.06	
MSN	58.2	2,257,966	59.2	33.2	18.8%	-36.3%	49	91.3	4,765	44,389	12.21	1.31	
PLX	40.7	832,451	50	35.3	18.7%	-35.1%	34.3	62.7	3,617	21,800	11.25	1.87	
VPB	19.9	4,302,730	45.8	21.9	17.1%	-30.9%	17	28.8	3,373	17,315	5.90	1.15	
VNM	96.1	1,551,541	45.1	18.5	14.8%	-28.0%	83.7	133.4	6,076	17,073	15.82	5.63	
TCB	17	2,614,935	43.8	30.5	14.1%	-32.3%	14.9	25.1	2,967	17,734	5.73	0.96	
ACB	20.3	5,210,260	47.4	37.4	14.0%	-23.7%	17.8	26.6	4,335	16,761	4.68	1.21	
CTG	19.2	7,012,946	43.4	27.1	11.6%	-30.9%	17.2	27.8	2,541	20,775	7.56	0.92	
NVL	52.6	576,199	55.1	66.8	3.1%	-17.8%	51	64	3,682	25,230	14.29	2.08	



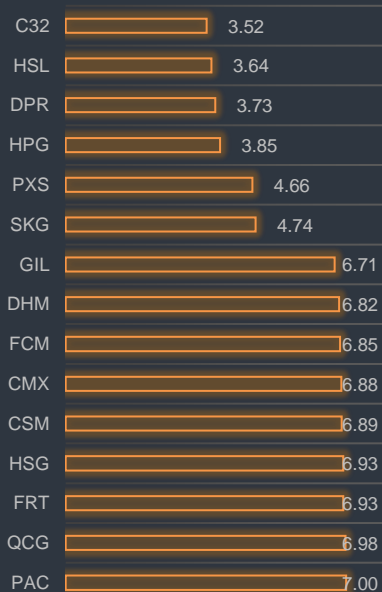
Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng Q1/2020	+/- Cùng kỳ(%)	EPS Lũy kế 4 quý	P/E Hiện tại
2	3	4	5	6	7
DDG	HNX	0.58	(72.7)	1,068	26.4
CRE	HOSE	43.25	(45.4)	4,356	3.5
CTF	HOSE	0.50	(98.0)	279	78.1
GKM	HNX	1.45	317.9	295	57.6
NAP	HNX	2.69	115.6	459	28.5
TTL	HNX	1.07	641.1	449	14.5
CDN	HNX	56.10	36.9	2,021	8.9
SZB	HNX	20.94	5.3	3,254	9.2
HUB	HOSE	10.66	(7.6)	4,155	3.8
SII	HOSE	(9.06)	(190.7)	423	47.2
BCF	HNX	24.24	209.1	4,653	11.8
L14	HNX	7.72	(51.9)	4,122	13.8
DSN	HOSE	4.43	(77.5)	6,621	6.6
TDW	HOSE	10.58	82.5	2,921	8.0
SZC	HOSE	53.66	189.8	1,706	9.7
WCS	HNX	15.76	(6.2)	27,013	5.8
PDN	HOSE	31.22	(7.9)	8,077	7.7
LIX	HOSE	64.08	66.5	6,308	8.4
HGM	HNX	1.78	(61.1)	291	123.7
TV3	HNX	1.24	69.9	2,121	10.8
NNC	HOSE	21.25	(19.4)	5,370	8.4
D2D	HOSE	48.71	24.4	21,864	2.5
BTP	HOSE	28.30	20,622.0	3,872	4.1
BSI	HOSE	(60.73)	(277.1)	155	52.3
PSI	HNX	0.08	(99.3)	117	17.9
ART	HNX	(38.04)	(1,023.6)	409	5.6
BTW	HNX	20.80	104.0	4,660	10.5
NET	HNX	32.16	108.1	4,377	11.2
GDW	HNX	4.75	(38.6)	1,518	25.9
IVS	HNX	6.46	267.7	(1,023)	(7.7)
APG	HOSE	2.51	13.1	855	10.8
DBC	HOSE	348.72	1,638.7	7,004	3.5
VCS	HNX	304.29	17.2	9,197	6.6
VC3	HNX	0.33	(97.1)	1,141	14.6
TNG	HNX	33.59	(10.0)	3,748	3.2
UIC	HOSE	15.51	27.7	7,862	5.0
VMC	HNX	0.87	(85.0)	633	15.3
SC5	HOSE	5.25	(55.4)	1,819	10.1
BVS	HNX	(22.70)	(177.3)	1,143	7.8

VDS	HOSE	(88.37)	(517.9)	(748)	(7.9)
SJD	HOSE	13.92	(28.1)	2,149	7.7
FMC	HOSE	40.31	(1.4)	5,213	4.1
ABT	HOSE	0.71	(93.6)	3,362	10.5
DHA	HOSE	16.43	(1.5)	4,596	7.2
SSC	HOSE	3.48	(83.8)	4,193	12.7
AAV	HNX	3.78	(39.8)	854	6.0
CAG	HNX	0.62	(27.3)	271	317.0
TDM	HOSE	30.53	(14.7)	2,148	8.8
S4A	HOSE	1.94	(77.8)	2,541	10.4
SKG	HOSE	5.49	(80.8)	1,414	6.5
PVB	HNX	48.70	504.0	4,692	3.0
MCF	HNX	3.04	47.6	1,040	8.7
PIC	HNX	2.39	(77.5)	316	27.2
BAX	HNX	4.90	(88.1)	5,955	6.6
PGD	HOSE	49.71	15.2	2,670	11.8
EVS	HNX	(11.30)	(292.5)	(151)	(53.6)
CCI	HOSE	8.46	182.1	1,999	6.9
FTS	HOSE	(97.23)	(194.4)	119	93.3
PPC	HOSE	135.18	(44.3)	3,618	6.6
STC	HNX	0.54	(66.0)	2,545	5.6
TNC	HOSE	24.77	1,633.5	3,190	4.9
HJS	HNX	10.78	49.3	2,501	9.6
GTA	HOSE	4.68	(0.5)	1,859	6.1
VTB	HOSE	3.75	10.3	1,227	8.1
SMC	HOSE	10.21	(71.1)	1,302	8.8
CLC	HOSE	25.25	(18.3)	5,147	5.2
CAN	HNX	3.71	1,216.1	3,609	5.9
AGR	HOSE	13.03	(28.9)	297	9.3
CNG	HOSE	13.53	5.8	3,142	6.8
SBA	HOSE	6.12	(77.2)	1,282	10.9
VTJ	HNX	(0.53)	(108.9)	614	10.1
DHT	HNX	31.38	32.8	4,506	10.9
IMP	HOSE	41.11	13.2	3,385	15.4
HRC	HOSE	0.83	34.6	263	131.9
SMB	HOSE	19.11	(53.9)	6,187	4.8
PHR	HOSE	137.97	31.6	3,755	11.3
PGT	HNX	6.32	1,807.2	(576)	(8.5)
VHL	HNX	23.27	(11.1)	4,981	4.5
BRC	HOSE	4.49	1.3	1,572	7.1
AAM	HOSE	0.67	(78.9)	565	20.2
TRC	HOSE	20.31	416.0	3,325	7.7
SAF	HNX	12.13	2.3	5,338	11.1
HAX	HOSE	5.45	17.1	1,437	7.0
DPC	HNX	0.52	(36.7)	2,429	3.7
DRL	HOSE	12.16	(35.2)	5,164	10.0
TET	HNX	0.98	(71.3)	763	39.6
HVG	HOSE	(254.00)	(1,502.4)	(2,779)	(2.1)
HSG	HOSE	181.11	198.6	1,157	5.6
SJ1	HNX	5.24	107.4	1,337	18.7
SFC	HOSE	9.10	(14.0)	-	-
CAP	HNX	6.75	82.0	-	-

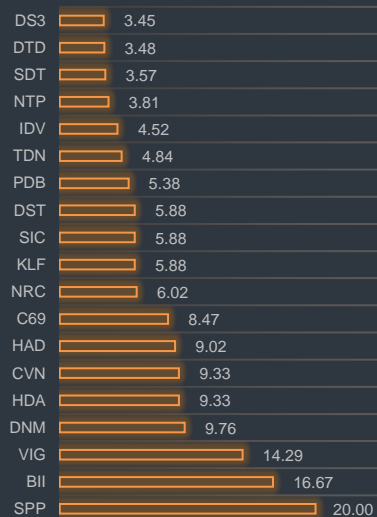


# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Top tăng giá HOSE



## Top tăng giá HNX



**GAS** - Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Đã công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2020 không mấy khả quan do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 và giá dầu liên tục đi xuống. GAS ghi nhận doanh thu gần 17,094 tỷ đồng và lãi ròng 2.333 tỷ đồng, lần lượt giảm 8% và 23% so cùng kỳ.

**NLG** - Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long - Công bố kết quả kinh doanh quý I/2020 với doanh thu 416,2 tỷ đồng, tăng trưởng 25,3% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt gần 117 tỷ đồng, giảm 34,2 tỷ đồng so với cùng kỳ.

**HSG** - CTCP Tập đoàn Hoa Sen – Đã công bố ước kết quả kinh doanh hợp nhất quý II niên độ tài chính (NĐTC) 2019 - 2020 (từ 30/9/2019 đến 30/9/2020) với sản lượng tiêu thụ ước đạt 338.674 nghìn tấn, doanh thu ước đạt 5.780 tỷ đồng, giảm nhẹ lần lượt 8,6% và 16,3% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, lợi nhuận sau thuế hợp nhất ước đạt 200 tỷ đồng, tăng mạnh 277% so với cùng kỳ.

**PDR** - CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt - Trong quý 1/2020, doanh thu thuần của PDR đạt 629 tỷ đồng giảm 63% so với cùng kỳ. Trong khi đó, các khoản chi phí kỳ này đều tăng như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Kết quả, lãi ròng của PDR tăng nhẹ 3% so với cùng kỳ, chỉ đạt 158 tỷ đồng.

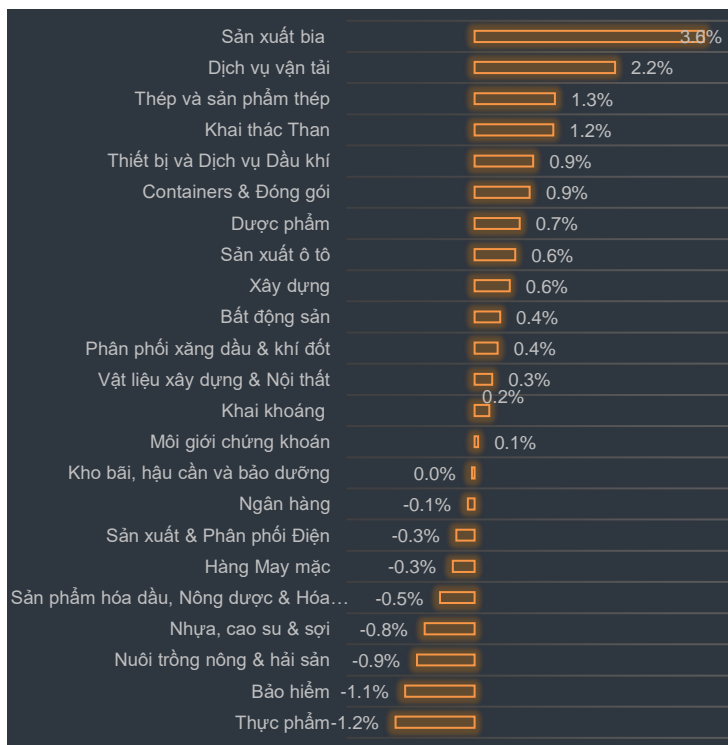
**SCS** - CTCP Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn – Doanh thu thuần trong kỳ đạt 183,7 tỷ đồng tăng 6,4% so với cùng kỳ trong khi giá vốn chỉ tăng thêm 2,5% nên lợi nhuận gộp đạt 146 tỷ đồng tăng 7% so với quý 1/2019. Không phát sinh chi phí tài chính và chi phí bán hàng nên sau khi trừ chi phí QLDN SCS lãi ròng gần 130 tỷ đồng tăng 8,5% so với quý 1/2019.

**CAV** - CTCP Dây cáp điện Việt Nam - Ngày 04/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 05/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 25%, thanh toán bắt đầu từ ngày 20/5/2020.

**BMP** - CTCP Nhựa Bình Minh - Ngày 05/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 06/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 20/5/2020.

**NTP** - CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong - Đã công bố báo cáo tài chính quý I/2020 với doanh thu giảm nhẹ 4% so với cùng kỳ năm 2019 xuống còn 960 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 75,6 tỷ đồng tăng gần 6%.

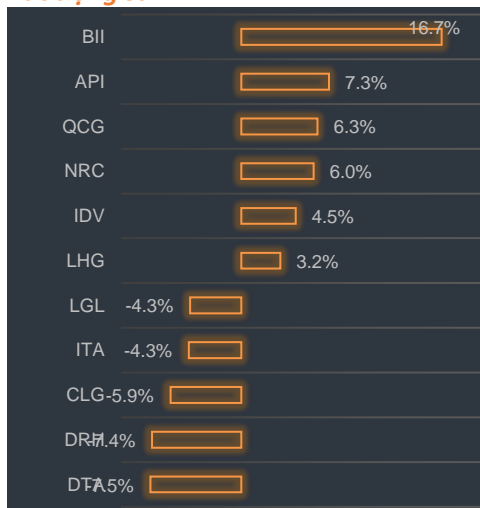
# Tăng giảm ngành trong ngày



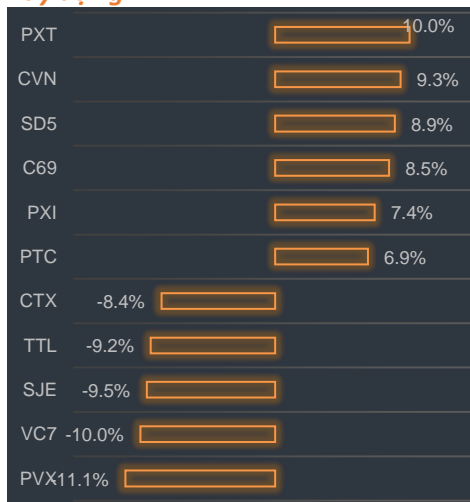
## Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

<b>Bất động sản:</b>	BII, API, QCG
<b>Xây dựng:</b>	PXT, CVN, SD5
<b>Dầu khí:</b>	PVS, GAS, PGS
<b>Chứng khoán:</b>	VIG, SBS, IVS
<b>Ngân hàng:</b>	NVB, SHB, MBB

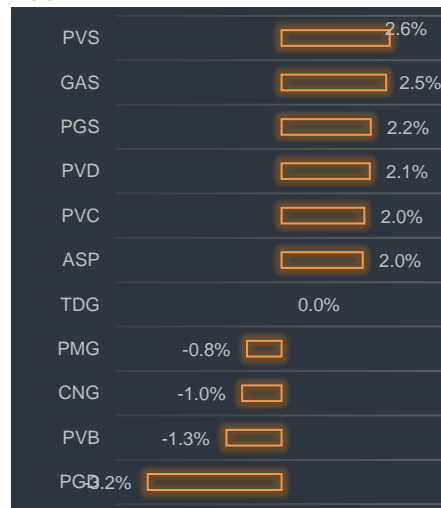
### Bất động sản



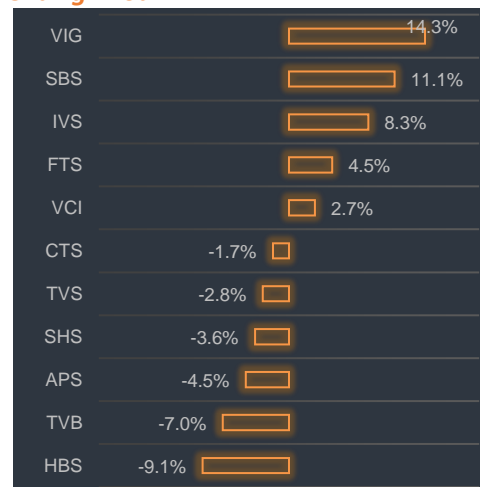
### Xây dựng



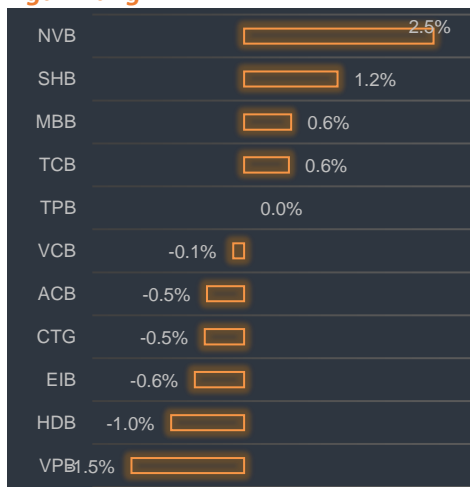
### Dầu khí



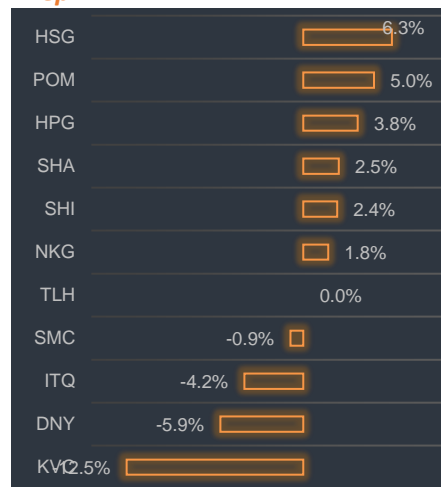
### Chứng khoán



### Ngân hàng



### Thép





## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh

Tel: 0983.999.350

khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

*Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.*

*Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.*

*Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.*

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931